

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

TRẦN AN NHÃ

BIỆN PHÁP QUẢN LÝ
HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC TIẾNG ANH
Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH

Chuyên ngành: Quản lý giáo dục

Mã số: 60. 14. 05

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ GIÁO DỤC HỌC

Đà Nẵng - Năm 2013

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: **TS. Trương Công Thanh**

Phản biện 1: **PGS.TS. Lê Quang Sơn**

Phản biện 2: **TS. Hồ Văn Liên**

Luận văn được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp
thạc sĩ Giáo dục học họp tại Đại học Đà Nẵng, ngày 09 tháng 6
năm 2013

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của đất nước ta hiện nay được tiến hành trong thời đại bùng nổ thông tin, hội nhập quốc tế, toàn cầu hóa. Ngoại ngữ đóng một vai trò quan trọng trong mọi lĩnh vực: khoa học kỹ thuật, giáo dục, du lịch, thương mại và đời sống hằng ngày.

Ngoại ngữ là môn học có vị trí quan trọng trong sự nghiệp giáo dục và trong sự phát triển của đất nước, không những vì biết ngoại ngữ là yêu cầu tất yếu của lao động có kỹ thuật cao hỗ trợ cho việc nắm được các quy trình công nghệ thường xuyên được đổi mới.

Trường Đại học Trà Vinh rất chú trọng việc giảng dạy tiếng Anh cho SV nhưng đa số SV không có khả năng sử dụng ngoại ngữ để giao tiếp và làm việc, do đó khó có khả năng tìm được công việc phù hợp với nguyện vọng. Bên cạnh đó, rất ít SV có thể dùng ngoại ngữ như là công cụ để học tập, nghiên cứu và mở mang sự hiểu biết của mình trong thời đại mà kiến thức luôn thay đổi như ngày nay.

Xuất phát từ những lý do trên chúng tôi chọn nghiên cứu đề tài ***“Biện pháp quản lý hoạt động dạy học tiếng Anh ở Trường Đại học Trà Vinh”***

2. Mục tiêu nghiên cứu

Trên cơ sở khảo sát thực trạng quản lý hoạt động dạy học tiếng Anh ở Trường Đại học Trà Vinh, đề xuất các biện pháp quản lý hoạt động dạy học tiếng Anh góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Biện pháp quản lý hoạt động dạy học tiếng Anh hệ chính quy

bậc cao đẳng và đại học ở Trường Đại học Trà Vinh.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Nghiên cứu thực trạng công tác QL hoạt động dạy học tiếng Anh không chuyên (tiếng Anh cơ bản) hệ chính quy bậc cao đẳng và đại học năm học 2010 - 2011; 2011-2012 ở Trường Đại học Trà Vinh.

4. Phương pháp nghiên cứu

4.1. Phương pháp nghiên cứu tài liệu

4.2. Các phương pháp nghiên cứu thực tiễn

4.2.1. Phương pháp điều tra bằng phiếu hỏi

4.2.2. Phương pháp quan sát

4.2.3. Phương pháp lấy ý kiến chuyên gia

4.3. Phương pháp thống kê toán học để xử lý số liệu

5. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Nghiên cứu tài liệu làm cơ sở lý luận của đề tài
- Khảo sát, đánh giá công tác QL hoạt động dạy học tiếng Anh ở Trường Đại học Trà Vinh.
- Đề xuất các biện pháp QL hoạt động dạy học tiếng Anh ở Trường Đại học Trà Vinh.

6. Giả thuyết khoa học

Công tác quản lý hoạt động dạy học tiếng Anh ở Trường Đại học Trà Vinh hiện còn những bất cập chủ yếu như: Công tác QL chuyên môn chưa chuyên nghiệp, còn nặng tính hình thức, chưa chỉ đạo quá trình hoạt động dạy học một cách khoa học và hữu hiệu. Nếu đánh giá đúng thực trạng và đề ra các biện pháp từ khâu nâng cao nhận thức; đổi mới phương pháp dạy học; nâng cao trình độ chuyên môn cho GV.... thì sẽ nâng cao chất lượng dạy học tiếng Anh ở nhà trường.

7. Bố cục đề tài

Luận văn gồm có 3 phần:

Phần 1: Mở đầu

Phần 2: Nội dung nghiên cứu

Chương 1: Cơ sở lý luận của đề tài

Chương 2: Thực trạng quản lý hoạt động dạy học tiếng Anh ở Trường Đại học Trà Vinh.

Chương 3: Biện pháp quản lý hoạt động dạy học tiếng Anh ở Trường Đại học Trà Vinh.

Phần 3: Kết luận và kiến nghị

Danh mục tài liệu tham khảo

8. Tổng quan tài liệu nghiên cứu

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA ĐỀ TÀI

1.1. SƠ LƯỢC LỊCH SỬ NGHIÊN CỨU VẤN ĐỀ

Giáo dục luôn là một lĩnh vực ở bất kỳ thời đại nào, quốc gia nào cũng dành được nhiều sự quan tâm, nghiên cứu của các nhà khoa học.

P.V.Zinmin, M.I.Kondakôp, N.I.Saxerđôtôp đã đi sâu nghiên cứu công tác lãnh đạo hoạt động giảng dạy, giáo dục trong nhà trường. Nhà giáo dục Liên Xô V.A.Xukhômliński đã nghiên cứu và đề ra một số vấn đề về công tác quản lý trường học.

Đối với việc tổ chức dự giờ và phân tích sự phạm bài dạy của giáo viên, tác giả V.A.Xukhômliński đã thừa nhận tầm quan trọng của biện pháp này và chỉ rõ thực trạng yếu kém của việc phân tích sự

phạm bài dạy cho dù hoạt động giờ dạy và góp ý giáo viên sau giờ dự của hiệu trưởng diễn ra thường xuyên.

Gần đây đã có một số luận văn thạc sĩ nghiên cứu về việc QL hoạt động dạy học. Tuy các tác giả đã đề cập đến vấn đề QL hoạt động dạy học tiếng Anh, hoạt động dạy học ở cấp trường nhưng thực tế công tác dạy học ở mỗi địa phương có những đặc thù khác nhau nên biện pháp QL cụ thể cũng khác nhau. Vì vậy, việc thực hiện luận văn của chúng tôi là cần thiết nhằm giúp cơ sở đào tạo có những biện pháp QL phù hợp nâng cao trình độ ngoại ngữ cho SV, góp phần nâng cao hiệu quả đào tạo của nhà trường.

1.2. CÁC KHÁI NIỆM CƠ BẢN CỦA ĐỀ TÀI

1.2.1. Quản lý

Mặc dù có nhiều có nhiều quan niệm khác nhau về quản lý, nhưng nhìn chung các tác giả đều thống nhất ở chỗ: *QL là những hoạt động có tính tổ chức của chủ thể QL lên khách thể QL bằng việc vận dụng các chức năng QL, nhằm sử dụng có hiệu quả các tiềm năng và cơ hội của tổ chức để đạt được mục tiêu chung của tổ chức.*

Hoạt động QL là quá trình đạt đến mục tiêu của tổ chức bằng cách vận dụng các chức năng QL. Các chức năng QL gồm: chức năng kế hoạch hóa, tổ chức, chỉ đạo và kiểm tra.

1.2.2. Quản lý giáo dục

QL giáo dục có thể được hiểu là quá trình vận dụng những nguyên lý, phương pháp, khái niệm của khoa học QL vào một lĩnh vực hoạt động cụ thể như ngành giáo dục nhằm đạt được những mục tiêu đề ra. QL giáo dục giúp cho nhà trường tổ chức thực hiện nhiệm vụ một cách khoa học, có kế hoạch trong việc dạy và học theo mục tiêu đào tạo chung.

1.2.3. Hoạt động dạy học ở đại học

a. Hoạt động dạy học

Hoạt động dạy là sự tổ chức, điều khiển tối ưu quá trình học sinh lĩnh hội tri thức, hình thành và phát triển nhân cách. Vai trò chủ đạo của hoạt động dạy với ý nghĩa là tổ chức và điều khiển quá trình học tập của học sinh, giúp họ nắm được kiến thức, hình thành kỹ năng, thái độ.

Hoạt động học là quá trình tự điều khiển tối ưu sự chiếm lĩnh khái niệm khoa học, bằng cách đó hình thành cấu trúc tâm lý mới, phát triển nhân cách toàn diện.

Hai hoạt động dạy và học có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, tồn tại song song và phát triển trong cùng một quá trình thống nhất.

b. Hoạt động dạy học ở đại học

Dạy học ở cấp đại học chủ yếu là dạy cho SV cách tự học, phát triển năng lực nghiên cứu, quản lý, lãnh đạo cho SV.

Nhiệm vụ dạy học ở đại học quy định những yêu cầu về bồi dưỡng hệ thống tri thức, kỹ năng, kỹ xảo gắn với nghề nghiệp tương lai của SV. Nhiệm vụ dạy học ở đại học là: dạy học nghề nghiệp ở trình độ cao; dạy phương pháp; dạy thái độ.

c. Quản lý hoạt động dạy học ở đại học

Trong trường học mọi hoạt động đều hướng vào phục vụ hoạt động dạy học và QL trường học là QL hoạt động dạy học. QL dạy học đại học là QL hoạt động với tư cách là một hệ thống toàn vẹn, bao gồm các nhân tố cơ bản: mục đích, nhiệm vụ, nội dung dạy học, thầy với hoạt động dạy, trò với hoạt động học, các phương pháp và phương tiện dạy học, cách kiểm tra đánh giá kết quả học tập để điều chỉnh sao cho chất lượng dạy học ngày càng tốt hơn.

1.3. QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC TIẾNG ANH Ở ĐẠI HỌC

- 1.3.1. Quản lý thực hiện chương trình môn học
- 1.3.2. Quản lý nề nếp lên lớp của giảng viên
- 1.3.3. Quản lý thực hiện đổi mới phương pháp dạy học
- 1.3.4. Quản lý công tác bồi dưỡng giảng viên
- 1.3.3. Quản lý kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV
- 1.3.6. Quản lý cơ sở vật chất và thiết bị dạy học
- 1.3.7. Quản lý hoạt động học của sinh viên

TIỂU KẾT CHƯƠNG 1

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC TIẾNG ANH Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH

2.1. KHÁI QUÁT QUÁ TRÌNH KHẢO SÁT

- 2.1.1. Mục tiêu
- 2.1.2. Phương pháp nghiên cứu
- 2.1.3. Đối tượng khảo sát
- 2.1.4. Qui trình thực hiện

2.2. GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH

- 2.2.1. Quá trình hình thành và phát triển
- 2.2.2. Mục tiêu đào tạo của Trường Đại học Trà Vinh
- 2.2.3. Bộ máy tổ chức và đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên

- 2.2.4. Vài nét về Bộ môn Ngoại ngữ

2.3. THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC TIẾNG ANH TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH

- 2.3.1. Thực trạng hoạt động dạy học tiếng Anh

a. Đội ngũ giảng viên bộ môn Ngoại ngữ

Trong tổng số 20 GV tiếng Anh có 05 nam và 15 nữ, đa số đều là GV trẻ tuổi từ 28 đến 44 tuổi. GV tiếng Anh đều có trình độ từ cử nhân trở lên, trong đó có 01 GV có trình độ tiến sĩ, 12 thạc sĩ và 07 GV có trình độ cử nhân. Tỷ lệ GV có trình độ thạc sĩ trở lên chiếm 65% trong tổng số GV của bộ môn, trình độ tiến sĩ chiếm tỷ lệ rất thấp chỉ có 5%, còn lại 35% là cử nhân. Điều này cho thấy trình độ chuyên môn của đội ngũ GV tiếng Anh chưa đồng đều, đặc biệt trình độ tiến sĩ rất thấp.

b. Nội dung, chương trình

Kết quả khảo sát ở bảng 2.2 (trang 35) cho thấy có đến 75% GV và 69% ở SV nhận xét nội dung, chương trình đào tạo môn tiếng Anh là khá phù hợp, 19% SV nhận xét nội dung, chương trình chưa phù hợp. Tỷ lệ này ở GV là 5%. Theo đánh giá của SV và GV thì nội dung, chương trình bộ môn tiếng Anh thực hiện giảng dạy cho SV là phù hợp cho sự phát triển các kỹ năng ngôn ngữ.

c. Hoạt động dạy của giảng viên

Kết quả khảo sát ở bảng 2.3 và 2.4 (trang 36) cho thấy các kỹ năng được thực hành nhiều nhất trên lớp chủ yếu là kỹ năng đọc và viết, đối với kỹ năng đọc có 73% SV đánh giá GV chú trọng nhiều đến kỹ năng này, đối với kỹ năng viết là 69%, trong khi đó kỹ năng nghe thì chỉ có 11% SV cho là được thực hành nhiều. Điều này cho thấy cả GV và SV tập trung nhiều vào những nội dung để thi cử còn các kỹ năng nghe, nói thì bị xem nhẹ.

d. Thực trạng đổi mới phương pháp dạy học

Kết quả khảo sát ở bảng 2.5 (trang 37) cho thấy theo đánh giá của CBQL thì chỉ có 13% GV tích cực đổi phương pháp dạy học, tỷ lệ này ở GV là 25%, trong khi đó có đến 60% CBQL và 55% GV cho rằng GV có

hưởng ứng việc đổi mới phương pháp dạy học nhưng không tích cực, một số GV khác đối phó bằng cách chỉ thực hiện đổi mới khi có dự giờ, kiểm tra, 10% GV khác thì lại cho rằng việc đổi mới mất nhiều thời gian chuẩn bị nên không muốn thực hiện.

e. Hoạt động học của sinh viên

Số liệu khảo sát ở bảng 2.6 (trang 38) cho thấy SV chưa nhận thức được tầm quan trọng của môn tiếng Anh, có 79% SV cho rằng học chủ yếu là vì tiếng Anh là môn học bắt buộc trong chương trình, có 59% SV cho rằng học vì tiếng Anh là công cụ không thể thiếu được trong công việc. Điều này cho thấy động cơ học tập của sinh viên chưa cao, chưa ý thức được tầm quan trọng của tiếng Anh từ đó SV nặng tâm lý học để đối phó, để hoàn thành chương trình quy định.

Số liệu ở hình 2.2 (trang 39) cho thấy, đa số SV dành thời gian cho việc tự học tiếng Anh hàng ngày rất ít chỉ chiếm 13%, trong khi đó số SV chỉ học tiếng Anh khi có tiết chiếm 61%, điều này cho thấy SV chủ yếu học với tâm lý đối phó, sợ GV kiểm tra bài cũ, ngoài ra SV đã quá quen với cách học ở phổ thông, thầy dạy bao nhiêu trò tiếp thu bấy nhiêu, đây là một trong những nguyên nhân dẫn đến kết quả học môn tiếng Anh chưa cao.

f. Kết quả học tập của sinh viên

Kết quả học tập của SV cao đẳng và đại học ở bảng 2.8 và 2.9 (trang 40, 41) cho thấy tỉ lệ SV cao đẳng và đại học đạt loại xuất sắc rất thấp, SV chủ yếu đạt loại trung bình khá và trung bình điều này cho thấy tiếng Anh luôn là một rào cản đối với SV khi tốt nghiệp ra trường, với trình độ tiếng Anh của SV như hiện nay, khi tốt nghiệp ra trường SV khó có cơ hội tìm được công việc tốt ở những nơi có yêu cầu khắt khe của nhà tuyển dụng về ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh.

Bảng 2.8. Kết quả học tập tiếng Anh không chuyên trình độ cao đẳng

Nội dung	Năm học	
	2010-2011	2011-2012
Tổng số sinh viên	1392	1432
Loại xuất sắc	1,1%	0,7%
Loại giỏi	11,9%	8,0%
Loại khá	18,4%	19,1%
Loại Trun bình khá	40,5%	38,7%
Loại Trung bình	18,4%	23,6%
Loại Yếu	9,8%	9,8%

Bảng 2.9. Kết quả học tập tiếng Anh không chuyên trình độ đại học

Nội dung	Năm học	
	2010-2011	2011-2012
Tổng số sinh viên	1517	1693
Loại xuất sắc	2,0%	1,1%
Loại giỏi	14,2%	15,7%
Loại khá	24,2%	20,3%
Loại Trung bình khá	36,7%	35,3%
Loại Trung bình	15,3%	19,9%
Loại Yếu	7,5%	7,7%

g. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy học môn tiếng Anh.

Số liệu bảng 2.10 (trang 42) cho thấy có 14,8% SV đánh giá cơ sở vật chất đáp ứng đủ cho việc học tiếng Anh, 52,0% SV cho rằng chưa đủ, 33,2% SV cho là quá thiếu thốn, có 25,0% GV đánh

giá ở mức chưa đủ, 60,0% GV tiếng Anh cho rằng cơ sở vật chất, phương tiện, trang thiết bị phục vụ cho việc dạy và học tiếng Anh ở trường là chưa đủ và 15,0% GV cho rằng quá thiếu thốn.

2.3.2. Thực trạng quản lý hoạt động dạy học tiếng Anh

a. Quản lý thực hiện chương trình môn học

Từ kết quả khảo sát bảng 2.11 (trang 44) cho thấy nhà trường đã chỉ đạo tốt việc lập kế hoạch thực hiện chương trình nhưng việc kiểm tra và đánh giá thực hiện chương trình của GV chưa được thực hiện tốt. Việc xử lý các sai phạm thực hiện chương trình chưa thực sự mạnh mẽ, những điểm yếu trên thuộc về trách nhiệm của các nhà QL, do vậy cần phải đưa ra các biện pháp thiết thực để khắc phục, trước hết GV phải tự giác và có trách nhiệm, cán bộ QL bộ môn Ngoại ngữ cần phải có năng lực QL và giám sát chặt chẽ.

b. Quản lý nề nếp lên lớp của GV

Kết quả khảo sát ở bảng 2.12 (trang 46) cho thấy CBQL và GV nhận xét, đánh giá nhà trường có qui định cụ thể về việc thực hiện nề nếp lên lớp của GV tuy nhiên việc kiểm tra nề nếp lên lớp của GV chưa được thực hiện mạnh mẽ còn nghiêng nhiều về mặt hành chính, thông qua báo cáo.

c. Quản lý công tác bồi dưỡng giảng viên

Kết quả khảo sát trong bảng 2.13 (trang 49) cho thấy nhà trường đã rất quan tâm đến việc bồi dưỡng đội ngũ GV và có kế hoạch bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ cho GV. Bên cạnh đó nhà trường có chỉ đạo GV lập kế hoạch tự bồi dưỡng nâng cao trình độ. Tuy nhiên theo đánh giá của GV thì việc chỉ đạo lập kế hoạch tự bồi dưỡng chưa được hiệu quả bởi vì nhà trường chưa có định hướng cụ thể cho GV, chưa thực hiện kiểm tra đánh giá công tác bồi dưỡng. Ngoài ra, một số GV chưa ý thức tự học, tự bồi dưỡng nhưng nhà

trường lại không có biện pháp mạnh đối với những GV này.

d. Quản lý đổi mới phương pháp dạy học

Từ bảng số liệu 2.14 (trang 50) cho thấy việc nâng cao nhận thức về nhiệm vụ đổi mới phương pháp dạy học; việc tổ chức bồi dưỡng nâng cao năng lực về phương pháp dạy học mới; tổ chức hội giảng, thao giảng, trao đổi phương pháp dạy học mới chưa được tổ chức thường xuyên, kết quả thực hiện chưa đạt hiệu quả không cao.

e. Quản lý kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV

Qua kết quả khảo sát ở bảng 2.15 (trang 52) cho thấy nhà trường thực hiện tốt ở nội dung phổ biến các văn bản, quy định về kiểm tra đánh giá, xếp loại SV. Công tác tổ chức thi cũng được thực hiện nghiêm túc đạt trên 80,0%. Tuy nhiên, công tác thanh tra, kiểm tra công tác coi thi, chấm thi chưa được 53,3% CBQL và 50,0% GV đánh giá chưa được thực hiện nghiêm túc. Từ kết quả này cho thấy nhà trường cần phải có biện pháp quản lý việc tổ chức thanh, kiểm tra công tác coi thi, chấm thi môn tiếng Anh.

Nội dung “Xử lý các trường hợp sai phạm về điểm số, đánh giá kết quả học tập của SV” được đánh giá thực hiện nghiêm túc, và rất hiệu quả.

f. Quản lý hoạt động học của sinh viên

Kết quả khảo sát nội dung 1 trong bảng 2.16 (trang 54) cho thấy CBQL và GV chưa thường xuyên thực hiện giáo dục ý thức, động cơ và thái độ học tập cho SV. Đa số các GV tiếng Anh có kế hoạch đôn đốc kiểm tra việc tự học của SV, tuy nhiên vẫn có một số GV chưa quan tâm đến việc qui định nề nếp tự học tiếng Anh cho SV hay hướng dẫn SV lập kế hoạch, phương pháp tự học một cách hiệu quả. Công tác tổ chức theo dõi, đánh giá việc thực hiện nề nếp học tập của SV cũng chưa được thực hiện thường xuyên.

g. Quản lý cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động dạy học tiếng Anh.

Kết quả khảo sát thực trạng quản lý cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ cho hoạt động dạy học ở bảng 2.17 (trang 56) cho thấy hiện nay nhà trường đã hiểu được tầm quan trọng của cơ sở vật chất, trang thiết bị và đồ dùng đồ dùng dạy học và có kế hoạch mua sắm, bổ sung trang thiết bị dạy học, xây dựng quy định sử dụng cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học cụ thể. Tuy nhiên nhà trường chưa chú trọng việc hướng dẫn GV sử dụng các thiết bị dạy học hiện đại dẫn đến tình trạng một số GV lúng túng trong việc sử dụng và ngại sử dụng vì mất thời gian. Bên cạnh đó, nhà trường chưa quan tâm đến việc kiểm tra, đánh giá việc sử dụng trang thiết bị, đồ dùng học tập của GV dẫn đến việc một số GV không sử dụng đồ dùng dạy học mà vẫn dạy chay làm ảnh hưởng đến việc đổi mới phương pháp dạy học và hiệu quả dạy học.

2.4. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC TIẾNG ANH Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH

2.4.1. Những thành công

Các CBQL rất quan tâm đến nề nếp dạy học, thông qua việc xây dựng quy chế và thực hiện các quy chế đã đề ra.

GV bộ môn có trình độ chuyên môn cao, nhiệt tình, tâm huyết với nghề, có phẩm chất đạo đức tốt, có kinh nghiệm giảng dạy và tinh thần trách nhiệm cao trong công việc.

Ban giám hiệu trường luôn tạo điều kiện cho GV được học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Nhà trường rất quan tâm đến cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy học và thường xuyên có kế hoạch mua sắm các trang thiết bị

phục vụ công tác dạy học.

2.4.2. Những hạn chế

a. Về phía GV

Đội ngũ GV chưa đồng bộ về cơ cấu, số GV có trình độ tiến sĩ còn hạn chế, một số GV ngại đổi mới phương pháp dạy học, chưa tích cực khai thác sử dụng thiết bị dạy học một cách hiệu quả. Bên cạnh đó còn nhiều GV chưa tích cực tự giác trong việc tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn và nghiệp vụ.

b. Về phía SV

Đa số SV chưa có động cơ học tập đúng đắn, còn thiếu ý thức tự học, tự tìm tòi học hỏi thêm.

c. Về phía nhà trường

Cơ sở vật chất, phương tiện phục vụ dạy học môn tiếng Anh chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học. Công tác QL sử dụng thiết bị dạy học chưa chặt chẽ, dẫn đến trình trạng GV dạy "chay" nhiều làm ảnh hưởng đến hiệu quả dạy học.

Nhà trường chưa tổ chức quán triệt công tác đổi mới phương pháp dạy học thường xuyên. Công tác quản lý nề nếp lên lớp của GV chưa thực sự hiệu quả, còn mang tính hình thức, không mang lại kết quả cao.

2.4.3. Nguyên nhân của các thành công và hạn chế

a. Nguyên nhân của các thành công

Nhà trường đã có nhiều biện pháp tích cực nhằm nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ QL, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn cho GV về phương pháp dạy học, kiến thức phục vụ công tác đổi mới dạy học.

Đội ngũ CBQL đoàn kết, nhiệt tình, có phẩm chất tốt, tâm huyết với sự nghiệp giáo dục và đào tạo, có tinh thần trách nhiệm cao.

b. Nguyên nhân các hạn chế

Một số cán bộ QL còn hạn chế về năng lực và phương pháp QL. Việc sử dụng các biện pháp QL chưa đồng bộ, đội ngũ cán bộ QL chưa kiên quyết, chưa mạnh dạn chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học.

Việc tổ chức bồi dưỡng cho GV về đổi mới phương pháp dạy học, sử dụng các thiết bị dạy học chưa thực sự hiệu quả.

Công tác thanh tra, kiểm tra chưa được thường xuyên, chưa hiệu quả, chưa thúc đẩy GV hoàn thành công việc một cách có chất lượng.

Một số GV chưa tích cực trong việc đổi mới phương pháp dạy học; chưa thực sự tự giác trong việc tự học và tự bồi dưỡng; việc khai thác và sử dụng trang thiết bị còn nhiều hạn chế và chưa phát huy tác dụng.

Công tác giáo dục ý thức, thái độ học tập cho SV chưa được quan tâm đúng mức, chưa tác động hiệu quả đến SV.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 2

CHƯƠNG 3

CÁC BIỆN PHÁP QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC TIẾNG ANH Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH

3.1. CÁC NGUYÊN TẮC ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP QUẢN LÝ

3.1.1. Nguyên tắc hệ thống

3.1.2. Nguyên tắc thực tiễn

3.1.3. Nguyên tắc tính hiệu quả

3.1.4. Nguyên tắc đảm bảo tính phát triển

4.1.5. Nguyên tắc tính đồng bộ

3.2. CÁC BIỆN PHÁP QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾNG ANH Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH

3.2.1. Giáo dục nâng cao nhận thức của SV về tầm quan trọng của tiếng Anh và việc học tiếng Anh.

** Mục tiêu và ý nghĩa của biện pháp*

Khơi dậy hứng thú, yêu thích học tiếng Anh làm cho SV có thái độ, ý thức học tập đúng đắn, chiến lược học phù hợp mang lại hiệu quả cao.

** Nội dung và cách thức thực hiện biện pháp*

Chỉ đạo Khoa, Bộ môn Ngoại ngữ lập kế hoạch cụ thể về việc giáo dục nâng cao nhận thức của SV về tầm quan trọng của tiếng Anh và việc học tiếng Anh.

Thông qua các hoạt động, các bài dạy trên lớp GV tạo điều kiện, cơ hội cho SV tìm hiểu về các bài hát bằng tiếng Anh, về đất nước tươi đẹp, con người, nền văn hóa đặc sắc của các nước nói tiếng Anh để cho SV thêm yêu thích môn tiếng Anh. Ngoài ra, GV phải hướng dẫn cho SV những cách học hiệu quả giúp SV cảm thấy hứng thú hơn trong việc GV phải tạo sự tự tin cho SV trong giao tiếp.

Tổ chức câu lạc bộ tiếng Anh để tạo cơ hội cho SV được trao đổi học tập luyện kỹ năng nghe, nói.

Tổ chức các cuộc hội thảo, tọa đàm về phương pháp học tiếng Anh, vai trò, vị trí và tầm quan trọng của tiếng Anh đối với SV.

GV thường xuyên tuyên dương những SV học tốt, những SV có nhiều tiến bộ trong học việc học tiếng Anh

** Điều kiện thực hiện*

Cán bộ QL trong nhà trường, GV tiếng Anh và cố vấn học tập phải nhận thức đúng về tầm quan trọng của việc hình thành động cơ học tiếng Anh và có ý thức giáo dục SV làm cho SV có động cơ học tập đúng đắn.

Nhà trường luôn tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Khoa và Bộ môn Ngoại ngữ trong việc tổ chức các hoạt động nhằm giáo dục SV về tầm quan trọng của tiếng Anh và việc học tiếng Anh.

3.2.2. Tăng cường quản lý đổi mới phương pháp dạy học nâng cao hiệu quả dạy học tiếng Anh.

** Mục tiêu và ý nghĩa của biện pháp*

Đổi mới phương pháp dạy học nhằm phát huy tính tích cực chủ động của SV trong quá trình dạy học, tạo động lực cho đội ngũ GV tự bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm có khả năng đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học.

** Nội dung và cách thức tiến hành biện pháp*

Nâng cao nhận thức cho đội ngũ GV tiếng Anh về sự cần thiết và cấp bách của việc đổi mới phương pháp dạy học.

Tổ chức cho GV nghiên cứu một cách có hệ thống các kinh nghiệm thực tiễn, khái quát các ưu điểm, những hạn chế của các phương pháp dạy học tiếng Anh.

Tăng cường chỉ đạo và thực hiện đổi mới phương pháp dạy học theo hướng cả GV và SV cùng hoạt động

Tổ chức các hoạt động tham quan, trao đổi học tập kinh nghiệm về đổi mới phương pháp dạy học tiếng Anh.

Duy trì và phát triển hoạt động thao giảng, yêu cầu mọi GV phải đăng kí thao giảng có áp dụng đổi mới phương pháp dạy học.

Tăng cường dự giờ thường xuyên và đột xuất. Sau mỗi lần dự giờ đều có họp rút kinh nghiệm phân tích, đánh giá giờ giảng.

Sau kiểm tra, đánh giá, tổng kết có động viên khen thưởng kịp thời những GV tích cực và đạt kết quả tốt, nghiêm túc nhắc nhở, phê bình những GV chưa thực hiện tốt về đổi mới phương pháp dạy học.

** Điều kiện thực hiện biện pháp*

Nhà trường phải tạo điều kiện cho Khoa, Bộ môn Ngoại ngữ từ việc xây dựng kế hoạch đổi mới phương pháp dạy học, đến thực hiện đúng với thực tế.

3.2.3. Tăng cường tổ chức bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ GV tiếng Anh

** Mục tiêu và ý nghĩa của biện pháp*

Xây dựng được đội ngũ GV có phẩm chất và trình độ chuyên môn, nghiệp vụ tốt, có tinh thần trách nhiệm cao trong việc dạy học tiếng Anh.

** Nội dung và cách thức tiến hành*

Trường Khoa chịu trách nhiệm đề xuất kế hoạch bồi dưỡng GV vào kế hoạch công tác của khoa trước mỗi năm học.

Tổ chức tập huấn cho những GV giỏi, có kinh nghiệm để xây dựng các bài giảng và giảng mẫu một số tiết có sự tham gia của tất cả GV tiếng Anh để học tập, rút kinh nghiệm.

Phân công những GV có kinh nghiệm, có trình độ chuyên môn vững vàng kèm cặp những GV trẻ mới ra trường, những GV còn yếu về phương pháp giảng dạy.

Cử và tạo điều kiện thuận lợi cho GV yên tâm tham gia học tập. Yêu cầu mỗi GV phải tự đăng ký lộ trình tự đào tạo, bồi dưỡng của mình với bộ môn và khoa.

Thường xuyên kiểm tra đánh giá chất lượng giảng dạy và mức độ tiến bộ của GV, đồng thời có chế độ khen thưởng, động viên kịp thời để tạo động lực cho GV phấn đấu bồi dưỡng.

** Điều kiện thực hiện biện pháp*

Nhà trường phải có kế hoạch tốt trong việc thực hiện công tác bồi dưỡng cho GV. Bên cạnh đó phải trường cần tạo điều kiện thuận lợi về vật chất, tài lực để tổ chức các hoạt động bồi dưỡng chuyên

môn, nghiệp vụ và cho các GV được đi học tập nâng cao trình độ và chuyên môn nghiệp vụ.

3.2.4. Tăng cường kiểm tra, đánh giá hoạt động giảng dạy tiếng Anh

** Mục tiêu và ý nghĩa của biện pháp*

Kiểm tra đánh giá giúp cho CBQL biết được việc thực hiện nghiêm túc chương trình, kế hoạch, tiến độ giảng dạy của GV, qua đó đánh giá được tinh thần, thái độ làm việc, chất lượng công tác chuyên môn của GV

Kiểm tra, đánh giá, nhắc nhở có tác dụng nâng cao tinh thần trách nhiệm của GV giúp cho hoạt động giảng dạy đi vào nề nếp.

** Nội dung và cách thức tiến hành*

Xây dựng, công bố kế hoạch kiểm tra đánh giá hoạt động giảng dạy của GV để khoa, bộ môn, GV được biết và thực hiện.

Nội dung kiểm tra bao gồm:

Kiểm tra nghiệp vụ chuyên môn: dự giờ để đánh giá góp ý về chuyên môn, phương pháp giảng dạy cho GV.

Kiểm tra việc thực hiện quy chế chuyên môn: kiểm tra thực hiện chương trình, kế hoạch giảng dạy, chấm và trả bài, cập nhật điểm theo quy định, việc soạn đề cương giáo án và chuẩn bị bài lên lớp, đồ dùng và phương tiện dạy học, việc ghi chép sổ lên lớp ...

Kiểm tra việc thực hiện nề nếp chuyên môn: kiểm tra giờ giấc ra vào lớp, sinh hoạt chuyên môn, dự giờ, thao giảng, làm mô hình, đồ dùng dạy học, viết sáng kiến kinh nghiệm...

CBQL cần khéo để lấy được ý kiến đánh giá từ đồng nghiệp một cách khách quan, thẳng thắn, chân thành và mang ý nghĩa xây dựng và tiến bộ. Cuối mỗi học phần nên tiến hành phát phiếu khảo sát để tiếp nhận thông tin giảng dạy của GV từ phía SV.

** Điều kiện thực hiện biện pháp*

Cán bộ làm công tác kiểm tra, đánh giá phải có chuyên môn vững vàng, có phẩm chất nhân cách tốt, nhiệt tình, có uy tín, có sức thuyết phục, luôn thể hiện sự khách quan, công bằng trong kiểm tra, đánh giá.

3.2.5. Tăng cường quản lý hoạt động học của SV

a. Quản lý nề nếp học tập trên lớp của SV

** Mục tiêu và ý nghĩa của biện pháp*

Xây dựng quy trình phối hợp đồng bộ giữa bộ môn, GV với các phòng chức năng để tổ chức và quản lý hoạt động học tập của SV nhằm tăng cường hiệu quả hoạt động học tập môn tiếng Anh góp phần giáo dục, hình thành thái độ, động cơ học tập đúng đắn cho SV.

** Nội dung và cách thức tiến hành biện pháp*

Phổ biến nội quy học tập cho SV, đưa các nội dung trên vào công tác của GV chủ nhiệm, GV tiếng Anh, cố vấn học tập để nhắc nhở SV thực hiện.

Quy định rõ nội quy học tập trên lớp, kiểm tra, theo dõi sát sao việc thực hiện nội quy, quy chế trên lớp đối với SV.

Quản lý việc chuyên cần của SV bằng cách tính điểm chuyên cần vào thang điểm quá trình trên lớp.

Kiểm tra việc chuẩn bị bài, bài làm của SV để thúc đẩy SV phải chuẩn bị bài nghiêm túc trước khi đến lớp.

Tổng kết, đánh giá việc thực hiện nề nếp học tập của SV. Sử dụng kết quả đánh giá để tính điểm rèn luyện làm cơ sở xét học bổng cho SV.

** Điều kiện thực hiện biện pháp*

GV tiếng Anh phải thực sự có trách nhiệm, tâm huyết, khách quan và công bằng với từng hoạt động học tập trên lớp của SV.

b. Quản lý hoạt động tự học tiếng Anh của SV

**** Mục tiêu và ý nghĩa của biện pháp***

Quản lý việc tự học của SV nhằm thúc đẩy động cơ, hình thành và nâng cao năng lực tự học của SV nâng hiệu quả học tiếng Anh.

**** Nội dung và cách tiến hành biện pháp***

GV cần đề ra kế hoạch dạy học cụ thể toàn bộ học phần hoặc từng bài, cung cấp trước cho SV nghiên cứu để biết mình sẽ làm gì và làm như thế nào trong quá trình học tập.

Tổ chức các hội thảo, tập huấn phương pháp tự học tiếng Anh cho SV. Tăng cường hình thức học nhóm, trao đổi, thảo luận nêu lên ý kiến của mình.

Giao bài tập về nhà cho SV phải quy định rõ thời gian nộp bài và yêu cầu SV nộp bài đúng hạn. Cung cấp đầy đủ những đầu sách, báo chí, tạp chí tiếng Anh cho SV tự nghiên cứu, học hỏi thêm.

Khuyến khích SV tham gia câu lạc bộ tiếng Anh

Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đánh giá kết quả tự học của SV để điều chỉnh thiếu sót, sai lầm của SV cũng như trong công tác giảng dạy.

**** Điều kiện thực hiện biện pháp***

GV cần giáo dục cho SV xác định động cơ học tập một cách đúng đắn. GV phải tích cực đổi mới phương pháp dạy học, xem tự học như là một tiêu chí hàng đầu trong quá trình đào tạo để hình thành phương pháp tự học, tạo nền tảng cho năng lực tự học trong SV.

3.2.6. Đầu tư và quản lý sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị phương tiện trong dạy học tiếng Anh

**** Mục tiêu và ý nghĩa của biện pháp***

Đảm bảo đầy đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho việc dạy học tiếng Anh, tạo điều kiện cho GV khai thác và sử dụng phương tiện kỹ thuật hỗ trợ cho hoạt động dạy học góp phần nâng cao chất lượng dạy học.

** Nội dung và cách thức tiến hành*

Có kế hoạch, biện pháp huy động nguồn vốn đầu tư về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học tiếng Anh.

Thường xuyên bổ sung, mua sắm các tài liệu tham khảo, các thiết bị cần thiết phục vụ dạy học, đồng thời tu bổ, sửa chữa các thiết bị còn có thể sử dụng được cho hoạt động dạy học tiếng Anh.

Xây dựng nội quy sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ dạy học.

Tăng cường quản lý và chỉ đạo sử dụng có hiệu quả và khai thác tối đa các cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ dạy học.

Tổ chức tập huấn, hướng dẫn sử dụng các phương tiện, trang thiết bị cho đội ngũ GV tiếng Anh.

Xây dựng danh mục các bài dạy có sử dụng thiết bị dạy học để đưa vào kế hoạch của GV, đảm bảo thực hiện nghiêm túc việc sử dụng các trang thiết bị dạy học.

Lập sổ theo dõi việc sử dụng trang thiết bị dạy học để tiện theo dõi, kiểm tra.

Định kỳ tổ chức kiểm tra, rà soát việc QL và sử dụng các thiết bị cũng như nhu cầu thực tế để bổ sung thiết bị cho phù hợp, tránh việc sử dụng lãng phí thiết bị, đồ dùng dạy học.

** Điều kiện thực hiện biện pháp*

Nhà trường phải có tầm nhìn chiến lược lâu dài về cơ sở vật chất và phải biết đánh giá, ưu tiên cho những công việc cụ thể. Đội ngũ GV phải nhận thức những lợi ích cấp thiết khi sử

dụng trang thiết bị dạy học trong mỗi bài dạy, có ý thức trong việc bảo quản, giữ gìn thiết bị dạy học đã được trang bị.

3.3. MỐI QUAN HỆ GIỮA CÁC NHÓM BIỆN PHÁP QUẢN LÝ

3.4. KHẢO SÁT TÍNH CẤP THIẾT VÀ TÍNH KHẢ THI CỦA CÁC BIỆN PHÁP QUẢN LÝ

3.4.1. Tính cần thiết của biện pháp

3.4.2. Tính khả thi của biện pháp

TIỂU KẾT CHƯƠNG 3

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Trong những năm qua, công tác dạy học tiếng Anh của Trường Đại học Trà Vinh đã đạt được những thành công bước đầu. Kết quả này có phần đóng góp quan trọng của đội ngũ CBQL và GV tiếng Anh của trường. Việc dạy tiếng Anh đối với SV không chuyên ngữ ở trường không những là yêu cầu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo mà còn là yêu cầu của các nhà tuyển dụng đối với SV sau khi tốt nghiệp. Tuy nhiên, qua quá trình khảo sát thực tế cho thấy kết quả học tập và khả năng tiếng Anh của SV rất hạn chế. Từ những thực trạng thực tế, Trường Đại học Trà Vinh cần có những biện pháp quản lý hoạt động dạy học tiếng Anh hiệu quả nhằm nâng cao chất lượng dạy học môn học này.

Luận văn với đề tài “Biện pháp quản lý hoạt động dạy học tiếng Anh ở Trường Đại học Trà Vinh” đã nghiên cứu có hệ thống cơ sở lý luận quản lý, quản lý giáo dục, quản lý hoạt động dạy học đại học, quản lý hoạt động dạy học tiếng Anh. Luận văn đã cố gắng mô tả đầy đủ về thực trạng hoạt động dạy học, thực trạng quản lý hoạt

động dạy học ở Trường Đại học Trà Vinh. Thông qua việc khảo sát, đánh giá thực trạng quản lý dạy học môn tiếng Anh ở Trường Đại học Trà Vinh cho thấy mặc dù trường đã có những biện pháp nhằm quản lý tốt công tác này song còn một số biện pháp chưa được chú trọng cũng như việc thực hiện đồng bộ, liên tục, đôi khi còn thiếu sự nhất quán. Đó là công tác quản lý nề nếp lên lớp của GV chưa thực sự hiệu quả, còn mang tính hình thức, không mang lại kết quả cao; CBQL, GV chưa quan tâm đúng mức đến việc giáo dục ý thức và động cơ học tập tiếng Anh một cách đúng đắn cho SV; nhà trường chưa quan tâm đúng mức đến việc đầu tư cơ sở vật chất và hướng dẫn sử dụng trang thiết bị phục vụ cho hoạt động dạy học tiếng Anh.

Nhìn chung các biện pháp vị trí, chức năng khác nhau nhưng có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, bổ sung cho nhau. Cho nên, các biện pháp đó phải được thực hiện đồng bộ, thống nhất thì mới có thể cải thiện việc dạy học tiếng Anh ở trường Đại học Trà Vinh. Để thực hiện có hiệu quả các biện pháp trên thì cần có sự chỉ đạo của hiệu trưởng, sự phối hợp đồng bộ trong đội ngũ CBQL ở các phòng nghiệp vụ, khoa, bộ môn và sự quyết tâm nỗ lực phấn đấu của đội ngũ GV tiếng Anh ở Trường Đại học Trà Vinh.

2. Kiến nghị

2.1. Đối với Bộ Giáo dục và Đào tạo

Xây dựng chương trình học ngoại xuyên suốt, thống nhất trong cả nước, đảm bảo liên tục và liên thông ở các cấp học, bậc học.

2.2. Đối với Trường Đại học Trà Vinh

Tạo điều kiện hơn nữa để GV tiếng Anh có cơ hội được học tập, bồi dưỡng để nâng cao trình độ;

Phối hợp với các Trường Đại học, học viện tổ chức các buổi hội thảo chuyên đề bồi dưỡng năng lực chuyên môn, kỹ năng sư phạm cho GV tiếng Anh;

Tăng cường hợp tác quốc tế để có đội ngũ GV nước ngoài tại trường tham gia giảng dạy tiếng Anh, tạo môi trường và động lực cho GV và SV trau dồi ngôn ngữ.

Tăng cường tổ chức hoạt động dự giờ, thanh tra, kiểm tra GV tiếng Anh và tổ chức các hội thi GV dạy giỏi môn tiếng Anh một cách thiết thực, có hiệu quả, có chế độ khen thưởng thích đáng với những GV có đầu tư cho việc giảng dạy và trình độ chuyên môn.

Cần kiên quyết đưa ra khỏi đội ngũ GV giảng dạy hoặc bố trí công việc khác đối với những GV yếu kém về năng lực giảng dạy, không có ý thức học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Tăng cường trang thiết bị phục vụ dạy học tiếng Anh đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp giáo dục.